

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/07/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+P9+P4	7:25	2+20+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
2		CNV+P10+BK3	7:25	2+14+6	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
3		TD5+CTK3+P2	7:25	2+4+15	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
4		RP1+TD3+P2	9:25	3+2+14	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
5		BK6+P10+BK15	9:25	3+14+5	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
6		P11+BK4+BK5	9:25	8+5+2	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
7		CLONG+BK10	11:25	13+8	0+0+0		8+13	0+0+0	
8		BK3+P9+P10	11:25	6+14+1	0+0+0		3+14+5	0+0+0	CHUYEN 4 BK3 P9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
 I/ĐI VÀ TRONG NGÀY: P9-4NG, P10-5NG, BK10-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	TO: BK10 - P9 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - Dương - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THU	BK10					64	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	BK10					72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN TOAN	P9	79	1	3		72	D-HANH	Vietnamese
4	PHAM DUC BINH	P9	82	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
5	IAKIMIDI	P9	88	1	8		98	KH-THAC	Russian
6	CHU MINH HUNG	P9	32	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VAN THINH	P9					77	NIPI	Vietnamese
8	TRAN KHOA TRUONG	P9	83	1	4		75	NIPI	Vietnamese
9	LE VAN LOI	P9	75	1	5		75	YTE	Vietnamese
10	HOANG VIET THUAN	P9	85	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH THANH TAM	P9	86-87	2	12		83	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN THANH HAI	P9	74	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH THUY	P9					85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BA KY	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
15	VO VAN THOI	P9	77	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI NGOC THAN	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO AN CHUNG	P9	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO THIEN THUAT	P9	80	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CAO CHI	P9	76	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH THUY	P9	73	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM DUC TAI	P9	84	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET CUONG	P9	78	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	2	0	0	136	0	0		
2	P9	20	17	84	1.503	0	16		
3	P4	0	0	0	0	0	6		
	TOTAL	22	17	84	1.639	0	22		
	WEIGHT KG			84	1.639	0			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CNV - P10 - BK3	CREW: Nam - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN MINH TUẤN	CNV	15-16	2	17		63	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN MINH TÙNG	CNV	17-18	2	16	20	75	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ HỒNG ĐẠI	P10	88	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
4	BUI CÔNG TRÌNH	P10	82	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					75	KH-THAC	Vietnamese
6	KYREEV	P10	90	1	5		89	NIPI	Russian
7	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P10	87	1	5		67	NIPI	Vietnamese
8	LÊ HOÀI THANH	P10	84-85	2	12		60	YTE	Vietnamese
9	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	P10	89	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ANH QUỐC	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
11	SYSTEROV ROMAN	P10	83	1	8		77	KH-THAC	Russian
12	PHẠM DUY QUANG	P10	79	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HUYNH VŨ	P10					68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	86	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	P10	81	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	MIRSAYAPOV R.R.	BK3	68	1	6		104	D-HANH	Russian
18	VŨ DUY KHUÔNG	BK3	67	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK3	65-66	2	16	65	67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐẠI PHÚC	BK3	64	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU THẾ ANH	BK3	69	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
22	KAZIKOV A.F.	BK3	70	1	7		100	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	2	4	33	138	20	0		
2	P10	14	12	62	984	0	13		
3	BK3	6	7	45	469	65	9		
TOTAL		22	23	140	1.591	85	22		
WEIGHT KG				140	1.591	85			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD5 - CTK3 - P2	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	57-58	2	18		77	BAKER HU	Vietnamese
2	LE QUỐC QUYNH	TD5	59-60	2	18		75	BAKER HU	Vietnamese
3	TRAN NGOC BINH	CTK3	04	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	01	1	7	3	77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	02-03	2	14	45	70	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN KHANH	CTK3	06	1	5		72	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P2	07	1	9	20	67	TECMACH	Vietnamese
8	THAI VĂN KHANH	P2	10	1	8		70	TECMACH	Vietnamese
9	ĐỖ THÀNH HÙNG	P2	08-09	2	10		73	YTE	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	14-15	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ CÔNG KHANG	P2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THANH LONG	P2	03-04	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
13	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	02	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU PHI	P2				40	75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	05	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN SÁCH ĐÓN	P2	01	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ HOANG NAM	P2	11	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ VĂN TRUNG	P2	12	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CÔNG LƯU	P2	13	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUÝ TOÀN	P2				36	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	2	4	36	152	0	0		
2	CTK3	4	5	31	289	48	3		
3	P2	15	15	107	1.022	96	19		
TOTAL		21	24	174	1.463	144	22		
WEIGHT KG				174	1.463	144			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: RP1 - TD3 - P2	CREW: VThắng - Linh - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH PHƯƠNG (CP)	RP1	27	1	4		70	PHÔNG A	Vietnamese
2	HOANG MINH SON	RP1					74	TTAT	Vietnamese
3	KRAPIVKA	RP1	98	1	4		87	KH-THAC	Russian
4	TELESHENKO	TD3	33	1	15		112	KHOAN	Russian
5	NGUYEN THANH HAI	TD3	34-35	2	16		75	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TAN	P2				110	67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH PHONG	P2	88	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	89	1	10	15	72	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	91	1	9	30	67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC VIỆT	P2	27	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH KIM	P2	87	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P2	30,22	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	P2	83-84	2	15		87	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC QUANG	P2	28	1	3		72	PSV	Vietnamese
15	TRỊNH PHẠM THÀNH	P2	23	1	12	16	62	TECMACH	Vietnamese
16	ĐƯƠNG THANH TUẤN	P2	25	1	10		76	TECMACH	Vietnamese
17	ĐƯƠNG TRƯỜNG LÂM	P2	26	1	6		67	PVGAS	Vietnamese
18	KHÔNG TIỀN DŨNG	P2	29	1	4		77	PVGAS	Vietnamese
19	HUYNH VANG	P2	85-86	2	15		74	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	3	2	8	231	0	0		
2	TD3	2	3	31	187	0	0		
3	P2	14	16	120	1.013	171	22		
	TOTAL	19	21	159	1.431	171	22		
	WEIGHT KG			159	1.431	171			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK6 - P10 - BK15	CREW: Nam - N.Anh - MQUÂN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY NGỌC	BK6	25	1	8	45	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH HAI	BK6	26	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC QUY	BK6	27	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	46-47	2	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	DO QUANG HUNG	P10	93-94	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH KHOA	P10	300	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CHI HIỆU	P10	95	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	91	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	48	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	44	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC THANH	P10	45	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	43	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	P10	96-97	2	10		89	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN MINH	P10					79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	92	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LỢI	P10	98	1	7	12	60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THẾ HẠNH	BK15	43	1	9	15	66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	42	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15					63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	BK15	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	41	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	3	3	22	212	45	0		
2	P10	14	15	73	954	12	14		
3	BK15	5	4	23	321	15	8		
TOTAL		22	22	118	1.487	72	22		
WEIGHT KG				118	1.487	72			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P11 - BK4 - BK5	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU VÂN	P11	64	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
2	HÀ QUANG TRUNG	P11	62	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUÝ TÀI	P11	61	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU LONG	P11	65	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VIỆT DŨNG	P11	59-60	2	10	13	70	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG XUÂN THAI	P11	63	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LINH	P11	58	1	8		65	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4					75	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ BA TUÂN	BK4	04-05	2	18		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	03	1	4	40	77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	BK4	01	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	02	1	5		76	PSV	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU TRỌNG	BK5	20-21	2	15	55	67	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	BK5	22	1	10	20	68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	8	9	69	533	13	4		
2	BK4	5	5	43	348	40	9		
3	BK5	2	3	25	135	75	9		
TOTAL		15	17	137	1.016	128	22		
WEIGHT KG				137	1.016	128			

GRAND TOAL: 1.281 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	TO: CLO - BK10	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - Linh - Huy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT HỒ	CLO	42	1	15	60	71	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	CLO	53	1	13		77	DVL	Vietnamese
3	VŨ VĂN NAM	CLO	41	1	14		65	DVL	Vietnamese
4	PHẦN ĐĂNG TUẤN	CLO	59	1	8		58	DVL	Vietnamese
5	VŨ QUỐC TUẤN	CLO	54	1	20		84	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH THẠCH	CLO	51-52	2	13		75	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ KHẮC PHƯƠNG	CLO	39-40	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC TUẤN	CLO	45-46	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHA	CLO	47	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG TẤT HẠNH	CLO	44	1	5	20	66	XAYLAP	Vietnamese
11	KIỀU HAI DƯƠNG	CLO	43	1	8		66	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TOÀN	CLO	50	1	7		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC ANH	CLO	48-49	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
14	AFANASIEV N.K	BK10	98	1	13	40	100	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	300	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN THUY	BK10	72	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO TUẤN HUNG	BK10	97	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG LINH	BK10	99	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẦN CÔNG THÀNH	BK10	95	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	50	1	4		78	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	BK10	94	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	13	17	165	915	80	8		
2	BK10	8	8	46	603	40	13		
TOTAL		21	25	211	1.518	120	21		
WEIGHT KG				211	1.518	120			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/07/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: BK3 - P9 - P10	CREW: Vận - VLin - DTùng	ETA: 13:35
CAM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK3	80	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN VIỆT	BK3	76	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH BAO CUÔNG	BK3	77	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THẾ QUỐC	BK3	78	1	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TUẤN	BK3	81-82	2	15		75	PSV	Vietnamese
6	LÊ ĐẶC NHÀ	BK3	75	1	4		63	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HÀ	P9	54	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DŨNG	P9	55	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN BĂNG	P9	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	60	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ SỸ BÌNH	P9	58	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC THANH	P9	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HAI	P9	57	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI VĂN TUẤN	P9	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	59	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	62,64	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG TRỌNG PHÚC	P9	52	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN QUANG	P9	48-50	3	18		72	XAYLAP	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC MẠNH	P9	51	1	10	20	75	XAYLAP	Vietnamese
21	VU XUAN TIEN	P10	25	1	10	35	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	6	7	51	415	15	3	4	CHUYEN 4 PAX TU BK3-P9
2	P9	14	16	98	994	20	14		
3	P10	1	1	10	70	35	5		
TOTAL		21	24	159	1.479	70	22		
WEIGHT KG				159	1.479	70			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN